TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 468/2019/QĐST- HNGĐ	*Thành phố H, ngày 17 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ- TỈNH THỪA THIÊN HUẾ.

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 353/2019/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

-Anh Hoàng Đình Ph, sinh năm 1977; Nơi cư trú: 316 Phan Chu Tr, phường An C, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

-Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1984; Nơi cư trú: 316 Phan Chu Tr, phường An C, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Đình Ph và chị Nguyễn Thị M kết hôn tự nguyện sau thời gian tìm hiểu 05 năm, được gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và anh chị đăng ký kết hôn tại UBND phường An C, thành phố H ngày 29/11/2007. Sau kết hôn vợ chồng sống tại nhà cha mẹ anh Ph ở 316 Phan Chu Tr, phường An C, thành phố H. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, và thường gây gỗ nhau. Từ năm 2016 đến nay mâu thuẫn trở nên căng thẳng hơn không khắc phục được, nên anh Ph và chị M cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Hoàng Đình Ph và chị Nguyễn Thị M xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Đình Minh Kh, sinh ngày 12/3/2008 và Hoàng Thị Châu A, sinh ngày 15/02/2012. Nguyện vọng của cháu Kh và cháu Châu A muốn ở với chị M, nên anh Ph và chị M thỏa thuận giao hai con chung cháu Kh và cháu Châu A cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Ph tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi cháu Khoa và cháu Châu A mỗi cháu

2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng kể từ tháng 7/2019 đến khi cháu Khvà cháu Châu A thành niên (đủ 18 tuổi).

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Hoàng Đình Ph và chị Nguyễn Thị M xác nhận vợ chồng chung sống không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Hoàng Đình Ph và chị Nguyễn Thị M mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 09/7/2019), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn của anh Hoàng Đình Phvà chị Nguyễn Thị M.

- Về con chung: Giao cháu Hoàng Đình Minh Kh, sinh ngày 12/3/2008 và Hoàng Thị Châu Asinh ngày 15/02/2012 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến thành niên. Anh Hoàng Đình Ph tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi cháu Kh và cháu Châu A mỗi cháu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng kể từ tháng 7/2019 đến khi cháu Kh và cháu Châu A thành niên (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

-Về tài sản chung và nợ chung: Anh Hoàng Đình Ph và chị Nguyễn Thị M xác nhận vợ chồng chung sống không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Hoàng Đình Ph và chị Nguyễn Thị M mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền anh Ph và chị M đã nộp tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/008622 ngày 10/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm

2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT H
- VKSND TP Huế;
- Chi cục THADS TP H;
- UBND P. An Cưu, H
(ĐKKH số128 ngày 29/11/2007);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Nguyễn Lê Tuyết Linh